xī nán bù

西南部

noun · southwest part

Example Sentences

Zhōng guó xī nán bù yǒu hěn duō shān
中 国 西 南 部 有 很 多 山 。

There are many mountains in southwestern China.

Zhè ge guó jiā de xī nán bù yǐ shā mò wén míng
这 个 国 家 的 西 南 部 以 沙 漠 闻 名 。

The southwestern part of this country is famous for its desert.

Trace each character, then write the word on your own.

西 西 西 西 西 西 西 西 西

南 南 南 南 南 南 南 南 南 南 南 南

部 部 部 部 部 部 部 部 部 部 部 部 部